

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 188/2023/DS-ST

Ngày 15/9/2023

V/v “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bạ

Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Trang – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 15/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 502/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 207/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyên đơn: Bà H’ P K - Sinh năm: 1986, địa chỉ: Buôn K, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

- Người đại diện theo ủy quyền của bà H’ P Kbuôn: Ông Phạm Công H1 – Sinh năm: 1986, địa chỉ: Số A đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà H’ L K - Sinh năm: 1972, địa chỉ: Buôn K, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. H P K1 - Sinh năm: 1951

3.2. Y T K2 - Sinh năm: 1975

3.3. H’ L Kbuôn - Sinh năm: 1977

3.4. Y T K3 - Sinh năm: 1980

3.5. Y S K4 - Sinh năm: 1983

3.6. Y Đ K5 - Sinh năm: 1993

Cùng địa chỉ: Buôn K, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Đều vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của H P Kbuôn, Y T K2, H’ L Kbuôn, Y T K3, Y S K4, Y Đ K5: Ông Phạm Công H1 – Sinh năm: 1986, địa chỉ: Số A

đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ông Y D N - Sinh năm: 1948 và bà H P K6 - Sinh năm: 1951 là vợ chồng, sinh sống tại xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có 7 người con là: H' L K - Sinh năm: 1972; Y T K2 - Sinh năm: 1975; H' L Kbuôr - Sinh năm: 1977; Y T K3 - Sinh năm: 1980; Y S K4 - Sinh năm: 1983; Y Đ K5 - Sinh năm: 1993; H P Kbuôr - Sinh năm: 1986. Còn Y K9 K7 – Sinh năm: 1990 đã chết năm 2009, khi chết chưa lập gia đình.

Trong quá trình chung sống thì ông Y D N và bà H P K6 có tạo lập được tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 241, tờ bản đồ 18, diện tích 2820 m², được Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 084788 ngày 05/06/1990, tên người sử dụng đất Y D N.

Ngày 24/8/2005 và ngày 10/07/2007, ông ông Y D N và bà H P K6 đã chuyển nhượng lần lượt 600m² và 500m² cho ông Trương Công T và hộ ông Y Th B. Hiện nay, thửa đất 241 có diện tích còn lại là 1720m² (Trong đó có 200m² đất ở và 1520m² đất cà phê).

Ngày 02/07/2015, ông Y D N chết không để lại di chúc. Hiện nay, các hàng thừa kế thứ nhất không thống nhất được việc phân chia di sản thừa kế của ông Y D N.

Nay, bà H P K8 làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết phân chia di sản thừa kế của ông Y D N theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà H P K8 xác định yêu cầu khởi kiện như sau:

Bà H P Kbuôr đồng ý để mẹ là bà H P Kbuôr được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt đối với quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 241, tờ bản đồ 18, diện tích 2820 m², được Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 084788 ngày 05/06/1990, tên người sử dụng đất Y D N, diện tích thực tế còn lại là 1720m² (Trong đó có 200m² đất ở và 1520m² đất cà phê).

Bà H P K8 đồng ý nhận phần di sản bằng giá trị, cụ thể giá trị quyền sử dụng đất theo kết quả định giá là 5.000.000.000đồng, quyền sử dụng đất là tài sản chung của vợ chồng ông Y D N - Sinh năm: 1948 và bà H P K6 - Sinh năm: 1951 nên khi ông Y D N chết thì phần di sản để lại trị giá 2.500.000.000 đồng. Hàng thừa kế thứ nhất có 08 người là: Bà H P K6 - Sinh năm: 1951; Y T K2 - Sinh năm: 1975; H' L Kbuôr - Sinh năm: 1977; Y T K3 - Sinh năm: 1980; Y S K4 - Sinh năm: 1983; Y Đ K5 - Sinh năm: 1993; H P Kbuôr - Sinh năm: 1986; bà H' L K - Sinh năm: 1972, một kỷ phần thừa kế trị giá: 312.500.000 đồng.

Đối với các tài sản trên đất là tài sản chung của vợ chồng ông Y D N và bà H P K6 là 03 cây bơ trên 10 năm có giá 5.661.000 đồng; 30 cây cà phê trồng năm 2000 có giá 7.671.000 đồng; 01 cây sầu riêng trên 20 năm có giá 5.752.000 đồng; 01 cây chôm chôm 10 năm có giá 1.676.000 đồng; 01 cây dầu trên 10 năm có giá 30.000 đồng; 01 cây xoài trồng 20 năm có giá 1.598.000 đồng; 01 giếng đào sâu 15 mét, đường kính 1 mét, thành giếng xây 50 centimet, nắp bê tông có giá 9.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 31.388.000 đồng, giá trị tài sản là di sản ông Y D N để lại là 15.694.000 đồng. Theo đó một kỷ phần thừa kế trị giá: 1.961.750 đồng.

Đối với các tài sản là: 04 căn nhà trên đất: Nhà số 1 diện tích 68,7m²; Nhà số 2 diện tích 111,1m²; Nhà số 3 diện tích 53,5m²; Nhà số 4 diện tích 41,8m². Tổng giá trị: 95.280.167 đồng + 295.711.175 đồng + 87.951.030 đồng + 58.975.076 đồng = 537.917.448 đồng; T1 rào gồm 2 phần: Phần tường rào xây gạch, trên có khung sắt chiều dài 10,5m; Phần tường rào trụ bê tông cốt thép, chân tường xây gạch lưới B40 chiều dài 205,12m. Các tài sản này đều hình thành sau khi ông Y D N chết nên không liên quan đến việc chia thừa kế, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Quá trình tham gia tố tụng, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của H P Kbuôr , Y T K2, H' L Kbuôr, Y T K3, Y S K4, Y Đ K5: Ông Phạm Công H1 trình bày:***

Bà H P , ông Y T K2, bà H' L Kbuôr, ông Y T K3, ông Y S K4, ông Y Đ K5 là anh chị em và cùng thống nhất một quan điểm như sau:

Ông Y D N - Sinh năm: 1948 và bà H P K6 - Sinh năm: 1951 là vợ chồng, sinh sống tại xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có 7 người con là: H' L K - Sinh năm: 1972; Y T K2 - Sinh năm: 1975; H' L Kbuôr - Sinh năm: 1977; Y T K3 - Sinh năm: 1980; Y S K4 - Sinh năm: 1983; Y Đ K5 - Sinh năm: 1993; H P Kbuôr - Sinh năm: 1986. Còn Y K9 K7 – Sinh năm: 1990 đã chết năm 2009, khi chết chưa lập gia đình.

Trong quá trình chung sống thì ông Y D N và bà H P K6 có tạo lập được tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 241, tờ bản đồ 18, diện tích 2820 m², được Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 084788 ngày 05/06/1990, tên người sử dụng đất Y D N.

Ngày 02/07/2015, ông Y D N chết không để lại di chúc. Hiện nay, các hàng thừa kế thứ nhất không thống nhất được việc phân chia di sản thừa kế của ông Y D N.

Bà H P K6 , ông Y T K2, bà H' L Kbuôr, ông Y T K3, ông Y S K4, ông Y Đ K5 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H P K8, cụ thể:

Bà H P Kbuôr , ông Y T K2, bà H' L Kbuôr, ông Y T K3, ông Y S K4, ông Y Đ K5 đồng ý để mẹ là bà H P Kbuôr được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt đối với quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 241, tờ bản đồ 18, diện tích 2820 m², được Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 084788 ngày 05/06/1990, tên người sử

dụng đất Y D N, diện tích thực tế còn lại là 1720m² (Trong đó có 200m² đất ở và 1520m² đất cà phê).

Bà H P K6, ông Y T K2, bà H' L Kbuôr, ông Y T K3, ông Y S K4, ông Y Đ K5 đồng ý nhận phân di sản bằng giá trị, cụ thể giá trị quyền sử dụng đất theo kết quả định giá là 5.000.000.000 đồng, quyền sử dụng đất là tài sản chung của vợ chồng ông Y D N - Sinh năm: 1948 và bà H P K6 - Sinh năm: 1951 nên khi ông Y D N chết thì phân di sản để lại trị giá 2.500.000.000 đồng. Hàng thừa kế thứ nhất có 08 người là: Bà H P K6 - Sinh năm: 1951; Y T K2 - Sinh năm: 1975; H' L Kbuôr - Sinh năm: 1977; Y T K3 - Sinh năm: 1980; Y S K4 - Sinh năm: 1983; Y Đ K5 - Sinh năm: 1993; H P Kbuôr - Sinh năm: 1986; bà H' L K - Sinh năm: 1972, một kỷ phần thừa kế trị giá: 312.500.000 đồng.

Đối với các tài sản trên đất là tài sản chung của vợ chồng ông Y D N và bà H P K6 là 03 cây bơ trên 10 năm có giá 5.661.000 đồng; 30 cây cà phê trồng năm 2000 có giá 7.671.000 đồng; 01 cây sầu riêng trên 20 năm có giá 5.752.000 đồng; 01 cây chôm chôm 10 năm có giá 1.676.000 đồng; 01 cây dầu trên 10 năm có giá 30.000 đồng; 01 cây xoài trồng 20 năm có giá 1.598.000 đồng; 01 giếng đào sâu 15 mét, đường kính 1 mét, thành giếng xây 50 centimet, nắp bê tông có giá 9.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 31.388.000 đồng, giá trị tài sản là di sản ông Y D N để lại là 15.694.000 đồng. Theo đó một kỷ phần thừa kế trị giá: 1.961.750 đồng.

Đối với các tài sản là: 04 căn nhà trên đất: Nhà số 1 diện tích 68,7m²; Nhà số 2 diện tích 111,1m²; Nhà số 3 diện tích 53,5m²; Nhà số 4 diện tích 41,8m². Tổng giá trị: 95.280.167 đồng + 295.711.175 đồng + 87.951.030 đồng + 58.975.076 đồng = 537.917.448 đồng; T1 rào gồm 2 phần: Phần tường rào xây gạch, trên có khung sắt chiều dài 10,5m; Phần tường rào trụ bê tông cốt thép, chân tường xây gạch lưới B40 chiều dài 205,12m. Các tài sản này đều hình thành sau khi ông Y D N chết nên không liên quan đến việc chia thừa kế, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà H P K6 - Sinh năm: 1951 được toàn quyền sở hữu đối với quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 241, tờ bản đồ 18, diện tích 2820 m², được Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 084788 ngày 05/06/1990, tên người sử dụng đất Y D N, trong đó có 200m² đất ở và 1520m² đất cà phê. Buộc bà H P K6 - Sinh năm: 1951 thanh toán lại cho Y T K2 - Sinh năm: 1975; H' L Kbuôr - Sinh năm: 1977; Y T K3 - Sinh năm: 1980; Y S K4 - Sinh năm: 1983; Y Đ K5 - Sinh năm: 1993; H P Kbuôr - Sinh năm: 1986; bà H' L K - Sinh năm: 1972 mỗi người với số tiền: 314.461.750 đồng.

- *Về chi phí tố tụng và án phí:* Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà H P Kbuôr khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Y D N. Đây là tranh chấp chia di sản thừa kế thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 5 Điều 26 và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Y D N - Sinh năm: 1948 và bà H P K6 - Sinh năm: 1951 là vợ chồng, sinh sống tại xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có 7 người con là: H' L K - Sinh năm: 1972; Y T K2 - Sinh năm: 1975; H' L Kbuôr - Sinh năm: 1977; Y T K3 - Sinh năm: 1980; Y S K4 - Sinh năm: 1983; Y Đ K5 - Sinh năm: 1993; H P Kbuôr - Sinh năm: 1986. Còn Y K9 K7 – Sinh năm: 1990 đã chết năm 2009, khi chết chưa lập gia đình.

Trong quá trình chung sống thì ông Y D N và bà H P K6 có tạo lập được tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 241, tờ bản đồ 18, diện tích 2820 m², được Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 084788 ngày 05/06/1990, tên người sử dụng đất Y D N.

Ngày 24/8/2005 và ngày 10/07/2007, ông ông Y D N và bà H P K6 đã chuyển nhượng lần lượt 600m² và 500m² cho ông Trương Công T và hộ ông Y Th B. Hiện nay, thửa đất 241 có diện tích còn lại là 1720m² (Trong đó có 200m² đất ở và 1520m² đất cà phê).

Ngày 02/07/2015, ông Y D N chết không để lại di chúc. Hiện nay, bà H' L K - Sinh năm: 1972 không thống nhất được việc phân chia di sản thừa kế của ông Y D N với những người thừa kế còn lại.

Hội đồng xét xử xét thấy: Các người con đều thống nhất để bà H P Kbuôr được toàn quyền sở hữu đối với quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và thanh toán bằng giá trị đối với phần các con được hưởng, đối với bà H' L K - Sinh năm: 1972 không tham gia tố tụng và qua thẩm định thì cũng không sinh sống trên thửa đất, vì vậy cần chấp nhận để chia theo giá trị phần di sản được hưởng đối với 07 các con. Cụ thể:

Bà H P Kbuôr được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt đối với quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 241, tờ bản đồ 18, diện tích 2820 m², được Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 084788 ngày 05/06/1990, tên người sử dụng đất Y D N, diện tích thực tế còn lại là 1720m² (Trong đó có 200m² đất ở và 1520m² đất cà phê).

Giá trị quyền sử dụng đất theo kết quả định giá là 5.000.000.000đồng, quyền sử dụng đất là tài sản chung của vợ chồng ông Y D N - Sinh năm: 1948 và bà H P K6 - Sinh năm: 1951 nên khi ông Y D N chết thì phần di sản để lại trị giá 2.500.000.000 đồng. Hàng thừa kế thứ nhất có 08 người là: Bà H P K6 - Sinh

năm: 1951; Y T K2 - Sinh năm: 1975; H' L Kbuôr - Sinh năm: 1977; Y T K3 - Sinh năm: 1980; Y S K4 - Sinh năm: 1983; Y Đ K5 - Sinh năm: 1993; H P Kbuôr - Sinh năm: 1986; bà H' L K - Sinh năm: 1972, một kỷ phần thừa kế trị giá: 312.500.000 đồng. Vì vậy, bà H P K6 có nghĩa vụ thanh toán cho Y T K2 - Sinh năm: 1975; H' L Kbuôr - Sinh năm: 1977; Y T K3 - Sinh năm: 1980; Y S K4 - Sinh năm: 1983; Y Đ K5 - Sinh năm: 1993; H P Kbuôr - Sinh năm: 1986; bà H' L K - Sinh năm: 1972 mỗi người với số tiền là 312.500.000 đồng.

Đối với các tài sản trên đất là tài sản chung của vợ chồng ông Y D N và bà H P K6 là 03 cây bơ trên 10 năm có giá 5.661.000 đồng; 30 cây cà phê trồng năm 2000 có giá 7.671.000 đồng; 01 cây sầu riêng trên 20 năm có giá 5.752.000 đồng; 01 cây chôm chôm 10 năm có giá 1.676.000 đồng; 01 cây dầu trên 10 năm có giá 30.000 đồng; 01 cây xoài trồng 20 năm có giá 1.598.000 đồng; 01 giếng đào sâu 15 mét, đường kính 1 mét, thành giếng xây 50 centimet, nắp bê tông có giá 9.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 31.388.000 đồng, giá trị tài sản là di sản ông Y D N để lại là 15.694.000 đồng. Theo đó một kỷ phần thừa kế trị giá: 1.961.750 đồng. Vì vậy, bà H P K6 có nghĩa vụ thanh toán cho Y T K2 - Sinh năm: 1975; H' L Kbuôr - Sinh năm: 1977; Y T K3 - Sinh năm: 1980; Y S K4 - Sinh năm: 1983; Y Đ K5 - Sinh năm: 1993; H P Kbuôr - Sinh năm: 1986; bà H' L K - Sinh năm: 1972 mỗi người với số tiền là 1.961.750 đồng.

Đối với các tài sản là: 04 căn nhà trên đất: Nhà số 1 diện tích 68,7m²; Nhà số 2 diện tích 111,1m²; Nhà số 3 diện tích 53,5m²; Nhà số 4 diện tích 41,8m². Tổng giá trị: 95.280.167 đồng + 295.711.175 đồng + 87.951.030 đồng + 58.975.076 đồng = 537.917.448 đồng; T1 rào gồm 2 phần: Phần tường rào xây gạch, trên có khung sắt chiều dài 10,5m; Phần tường rào trụ bê tông cốt thép, chân tường xây gạch lưới B40 chiều dài 205,12m. Các tài sản này đều hình thành sau khi ông Y D N chết nên không liên quan đến việc chia thừa kế, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về chi phí tố tụng: Bà H P Kbuôr tự nguyện chịu 8.693.000 đồng tiền chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc bằng máy và định giá tài sản.

[6] Về án phí: Do bà H P K6 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Y T K2 - Sinh năm: 1975; bà H' L Kbuôr - Sinh năm: 1977; ông Y T K3 - Sinh năm: 1980; ông Y S K4 - Sinh năm: 1983; ông Y Đ K5 - Sinh năm: 1993; bà H P K8 - Sinh năm: 1986; bà H' L K - Sinh năm: 1972 mỗi người phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần giá trị tài sản được nhận là 312.500.000 đồng + 1.961.750 đồng = 314.461.750 đồng x 5% = 15.723.088 đồng.

Bà H P K8 được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng, theo biên lai thu số AA/2021/0021712 ngày 21/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Bà H P K8 còn phải nộp số tiền 10.723.088 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; các Điều 38, 270, 271, 273, 293; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, đoạn 4 khoản 3 Điều 296; các Điều 147, 148, 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 609, 612, 616, 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26, khoản 2 Điều 27, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là H P Kbuôr.

Giao cho bà H P K6 - Sinh năm: 1951 được toàn quyền sử dụng đối với quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 241, tờ bản đồ 18, diện tích 2820 m², được Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 084788 ngày 05/06/1990, tên người sử dụng đất Y D N, trong đó có 200m² đất ở và 1520m² đất cà phê. Tứ cận thửa đất:

- Phía Bắc giáp đường đi.
- Phía Đông giáp thửa đất số 676.
- Phía Nam giáp thửa đất số 17.
- Phía Tây giáp đường đi.

Bà H P K6 - Sinh năm: 1951 có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để tiến hành thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và chịu các khoản thuế, phí liên quan.

Buộc bà H P K6 - Sinh năm: 1951 thanh toán lại cho Y T K2 - Sinh năm: 1975; H' L Kbuôr - Sinh năm: 1977; Y T K3 - Sinh năm: 1980; Y S K4 - Sinh năm: 1983; Y Đ K5 - Sinh năm: 1993; H P Kbuôr - Sinh năm: 1986; bà H' L K - Sinh năm: 1972 mỗi người với số tiền: 314.461.750 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về chi phí tố tụng: Bà H P Kbuôr tự nguyện chịu 8.693.000 đồng tiền chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc bằng máy và định giá tài sản, đã nộp và chi phí xong.

[4] Về án phí: Bà H P Kbuôr là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Y T K2 - Sinh năm: 1975; bà H' L Kbuôr - Sinh năm: 1977; ông Y T K3 - Sinh năm: 1980; ông Y S K4 - Sinh năm: 1983; ông Y Đ K5 - Sinh năm: 1993; bà H P K8 - Sinh năm: 1986; bà H' L K - Sinh năm: 1972 mỗi người phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần giá trị tài sản được nhận là 15.723.088 đồng.

Bà H P K8 được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng, theo biên lai thu số AA/2021/0021712 ngày 21/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Bà H P K8 còn phải nộp số tiền 10.723.088 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP . BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Đức Mạnh